

Mã chương: 622

Mẫu số 20c

Đơn vị: Trường mầm non Tiên Cường

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

Mã ĐVQHNS: 1108138

Mã cấp NS: 3

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 3 /Năm 2023

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	346.424.985	1.037.437.639	346.424.985	1.037.437.639
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	8.940.000	26.820.000	8.940.000	26.820.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	124.377.750	372.494.040	124.377.750	372.494.040
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	447.000	1.043.000	447.000	1.043.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	39.207.532	113.085.560	39.207.532	113.085.560
Lương hợp đồng theo chế độ	13	071	6003	00000	0	0	6.973.200	19.810.600	6.973.200	19.810.600
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	22.886.400	22.886.400	22.886.400	22.886.400
Tiền công khác	13	071	6099	00000	0	0	38.799.600	155.198.400	38.799.600	155.198.400
Thưởng khác	13	071	6249	00000	0	6.583.000	0	0	0	6.583.000
Chi khác	13	071	6299	00000	0	10.630.000	0	0	0	10.630.000
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	78.747.677	233.978.024	78.747.677	233.978.024
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	13.896.649	41.290.240	13.896.649	41.290.240
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	6.183.023	24.445.417	6.183.023	24.445.417
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	4.373.671	12.989.195	4.373.671	12.989.195
Các khoản đóng góp khác	13	071	6349	00000	0	0	2.316.107	6.881.707	2.316.107	6.881.707
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	18.310.386	33.629.235	18.310.386	33.629.235

Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	8.538.576	21.022.562	8.538.576	21.022.562
Tiền khoán phương tiện theo chế độ	13	071	6505	00000	0	0	0	320.166	0	320.166
Chi khác	13	071	6549	00000	0	0	0	16.200.000	0	16.200.000
Văn phòng phẩm	13	071	6551	00000	0	0	0	13.045.000	0	13.045.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	071	6552	00000	0	0	0	12.850.000	0	12.850.000
Vật tư văn phòng khác	13	071	6599	00000	0	0	0	6.900.000	0	6.900.000
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13	071	6605	00000	0	0	1.155.000	3.080.000	1.155.000	3.080.000
Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	13	071	6608	00000	0	0	2.005.200	3.496.900	2.005.200	3.496.900
Các khoản thuê mướn khác	13	071	6657	00000	0	0	0	19.810.000	0	19.810.000
Phụ cấp công tác phí	13	071	6702	00000	0	0	0	90.000	0	90.000
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	5.700.000	14.200.000	5.700.000	14.200.000
Thuê lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	13.500.000	35.121.200	13.500.000	35.121.200
Chi phí thuê mướn khác	13	071	6799	00000	0	0	9.920.000	9.920.000	9.920.000	9.920.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	071	6949	00000	0	0	0	41.850.000	0	41.850.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	071	7001	00000	0	0	0	85.978.000	0	85.978.000
Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	13	071	7004	00000	0	0	0	29.920.000	0	29.920.000
Chi các khoản phí và lệ phí	13	071	7756	00000	0	0	534.600	3.193.300	534.600	3.193.300
Chi khác	13	071	7049	00000	0	0	0	300.000	0	300.000
Chi các khoản khác	13	071	7799	00000	0	0	0	7.240.000	0	7.240.000
Các khoản hỗ trợ khác	12	071	6199	00000	0	0	0	141.505.750	0	141.505.750
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	071	7766	00000	0	0	0	1.059.250	0	1.059.250
Tiền ăn	12	071	6401	00000	-800.000	0	800.000	800.000	0	800.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	071	6157	00000	-1.500.000	0	1.500.000	1.500.000	0	1.500.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	12	071	6912	00000	0	0	11.600.000	11.600.000	11.600.000	11.600.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	12	071	6949	00000	0	0	85.676.000	85.676.000	85.676.000	85.676.000
Cộng:					-2.300.000	17.213.000	852.813.356	2.668.667.585	850.513.356	2.685.880.585
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 16 tháng 10 năm 2023

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Anh50 Dang Vu

Người ký: Hung50 Nguyen Duc
Ngày ký: 16/10/2023 07:46:35
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Tiên Lãng - Hải Phòng

Hung50 Nguyen Duc

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 13 tháng 10 năm 2023

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Vũ Thị Hương
Ngày ký: 13/10/2023 08:09:30
Đơn vị: Trường mầm non Tiên Cường

Người ký: Vũ Thị Xuyên
Ngày ký: 13/10/2023 14:54:47
Đơn vị: Trường mầm non Tiên Cường

Vũ Thị Hương

Vũ Thị Xuyên